

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 489/2023/DS-PT

Ngày: 07.12.2023

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay và nợ hui”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Phương Thanh

Các Thẩm phán:

Ông Phạm Văn Bình

Ông Nguyễn Văn Hải

- **Thư ký phiên tòa:** ông Nguyễn Trí Khương – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ:** Ông Trần Thanh Vũ – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Vào ngày 07 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 350/2023/TLPT-DS ngày 11 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và nợ hui”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 57/2023/DS-ST ngày 18/7/2023 của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 435/2023/QĐPT-DS ngày 19 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Kim L – sinh năm: 1986; Cư trú: số E khóm T, phường M, Tp L, tỉnh An Giang - (vắng mặt).

Nguyên đơn có đại diện hợp pháp:

1. Ông Phan Hòa N – sinh năm: 1987; Cư trú: số C đường H, phường C, quận G, thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc H – sinh năm: 2000. Cư trú: ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Long An (vắng mặt).

Theo văn bản ủy quyền ngày 29/10/2022.

- **Bị đơn:**

1. Bà Nguyễn Thụy Thúy D – sinh năm: 1983 - (vắng mặt)

Địa chỉ: số F, Quốc lộ H, tổ C, khu vực T, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

2. Ông Nguyễn Trọng T – sinh năm: 1981 - (vắng mặt)

Địa chỉ: khu vực T, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày yêu cầu khởi kiện như sau: nguyên đơn có rủ bị đơn bà D chơi hụi do nguyên đơn làm chủ. Bà D tham gia nhiều phần hụi từ năm 2019 đến tháng 5/2020 đã hốt hụi, nhưng không tiếp tục đóng hụi chết, nên nguyên đơn đã đóng thay cho bà D để có tiền gửi cho các hội viên còn lại và nhiều lần yêu cầu bà D có trách nhiệm đóng hụi chết lại cho nguyên đơn, tuy nhiên bị đơn bà D không có thiện chí thực hiện. Ngày 02/9/2022, nguyên đơn và bị đơn bà D có làm giấy chốt sổ nợ hụi còn thiếu 156.400.000đồng và hứa thanh toán trong thời hạn sớm nhất có thể. Ngoài ra, vào ngày 25/12/2020 bà D hỏi mượn thêm của nguyên đơn số tiền 87.000.000đồng để trang trải cuộc sống, về số tiền này bị đơn đã trả được 50.000.000 đồng, do bà D không trả các khoản nợ mặc dù đã được nguyên đơn nhiều lần nhắc nhở và yêu cầu, nhưng đến nay bà D không thực hiện việc trả các khoản nợ. Hiện tại tuy vợ chồng bà D, ông T đã ly hôn theo quyết định số 02/2022/QĐCNTTLH, ngày 24/01/2022 của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, nhưng thời điểm chơi hụi và mượn nợ thì cả hai vẫn còn là vợ chồng, nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn bà D, ông T có trách nhiệm liên đới trả số tiền 216.475.000đồng (*hai trăm mười sáu triệu bốn trăm bảy mươi lăm ngàn đồng*), trong đó gồm các khoản: nợ hụi 156.400.000đồng và tiền lãi phát sinh 10%/năm tính từ 02/9/2022 đến 17/7/2023 (10 tháng 15 ngày x 0.83%/tháng) là 13.630.000đồng (*đã làm tròn*) và tiền vay 37.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh 10%/năm tính từ ngày 25/12/2020 đến 17/7/2023 (30 tháng 23 ngày x 0.83%/tháng) là 9.445.000đồng, nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn liên đới trả 215.683.000đồng, trong đó nợ gốc 193.400.000đồng, lãi 22.283.000đồng và tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc 10%/năm tính từ ngày 18/7/2023 đến khi bà D, ông T tắt toán nợ cho nguyên đơn.

* Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, lần lượt các bị đơn có ý kiến như sau:

- Bị đơn bà D xác định có chơi hụi của bà Nguyễn Thị Kim L làm chủ, sau đó do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không đóng hụi chết, đến ngày 02/9/2022 chốt nợ hụi còn nợ bà L số tiền 156.400.000đồng. Ngoài ra, do cần tiền vào mục đích sử dụng cá nhân nên có hỏi mượn nguyên đơn số tiền 87.000.000đồng có làm biên nhận nợ ngày 25/12/2020, sau đó trả được 50.000.000 đồng hiện còn nợ lại 37.000.000đồng. Nay qua yêu cầu trả các khoản nợ của nguyên đơn, bị đơn bà D đồng ý trả các khoản nợ gốc, cùng với số tiền lãi với lãi suất 10%/năm tính đến ngày 17/7/2023 với tổng số tiền 215.683.000đồng, cùng với tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc 10%/năm tính từ ngày 18/7/2023 đến khi bị đơn bà D trả dứt nợ cho nguyên đơn.

Không đồng ý ông Nguyễn Trọng T cùng có trách nhiệm liên đới trả do đây là nợ riêng của bà D, tuy thời điểm chơi hụi và mượn nợ vợ chồng chưa ly hôn

nhưng việc chơi hụi, mượn nợ ông T hoàn toàn không biết, giấy nhận nợ lập ngày 25/12/2020, giấy xác nhận về việc chốt nợ hụi ngày 02/9/2022 tất cả đều do bà D ký, ông T không liên quan.

- Bị đơn ông Nguyễn Trọng T có ý kiến như sau: Trước đây ông T với bà D là vợ chồng nhưng đã ly hôn từ đầu năm 2022, theo quyết định số 02/2022/QĐCNTTLH, ngày 24/01/2022 của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt. Nguyên đơn yêu cầu ông cùng với bà D có trách nhiệm liên đới trả tiền nợ hụi và nợ mượn cùng với số tiền lãi thì ông không đồng ý do đây là nợ riêng của bà D, tuy thời điểm đó vợ chồng còn chung sống và ông T có biết bà D thiếu nợ hụi, nợ mượn của bà L nhưng không rõ bao nhiêu tiền, về việc này vợ chồng cũng đã xảy ra cự cãi và ông đã đuổi bà D ra khỏi nhà, nhưng tình nghĩa vợ chồng và suy nghĩ đến các con ông T muốn hàn gắn nên có trả thay cho D 10.000.000 đồng để đưa cho bà L và đến khoản cuối năm 2021, trong năm 2022 có chuyển khoản thêm cho D để trả bà L 50.000.000 đồng.

* Vụ việc hòa giải không thành nên được đưa ra xét xử sơ thẩm không khai. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 57/2023/DS-ST ngày 18/7/2023 của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt đã xét xử và quyết định như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Thụy Thúy D có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Kim L số tiền 215.683.000 đồng, trong đó nợ gốc 193.400.000 đồng, lãi 22.283.000 đồng.

Bà D còn phải tiếp tục chịu lãi suất 10%/năm trên số nợ gốc tính từ ngày 18/7/2023 đến khi bị đơn bà D trả dứt nợ cho nguyên đơn.

2. Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 01 tháng 8 năm 2023 nguyên đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án xét xử buộc ông T có nghĩa vụ liên đới cùng bà Thúy D trả nợ cho nguyên đơn.

* Tại phiên tòa, các đương sự giữ nguyên yêu cầu và ý kiến.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Qua tranh tụng tại phiên tòa cùng với các chứng cứ có trong hồ sơ, xét thấy, việc chơi hụi và vay tiền của bà D thì ông T không biết, số tiền nợ này bà D không dùng sinh hoạt chung cho gia đình nên không có cơ sở buộc ông T phải trả, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đương vắng mặt nhưng có người đại diện nên tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Về yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn:

[2.1] Qua tranh tụng tại phiên tòa cũng như xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ có cơ sở xác định: giữa nguyên đơn và bị đơn bà D có xác lập giao dịch hui và vay mượn tiền, phía bị đơn bà D thừa nhận còn nợ bà L với số tiền 193.400.000 đồng, lời thừa nhận của bị đơn là chứng cứ không cần phải chứng minh. Có cơ sở xác định bà D còn nợ bà L số tiền 193.400.000. Tuy nhiên, phía nguyên đơn cho rằng cần phải buộc ông T có nghĩa vụ liên đới cùng bà D trả tiền. Qua yêu cầu này, thấy rằng, việc giao dịch hui và vay tiền thì phía ông T không hề hay biết, khi chốt nợ lại thì chỉ một mình bà D ký, nguyên đơn không chứng minh được số tiền nợ hui và vay thì bà D đem về cùng lo sinh hoạt chung cho gia đình, mặt khác ông T có nghề nghiệp kinh doanh bất động sản không phụ thuộc vào thu nhập của bà D, đôi ý kiến của nguyên đơn còn cho rằng ông T hứa trả tiền cho nguyên đơn thay bà D và còn chụp hình chung khi mua xe ô tô tuy hai người đã ly hôn, thấy rằng, việc ông T hứa trả tiền thì không đồng nghĩa với việc ông T có sử dụng chung tiền này, mặt khác, ông T đứng ra trả nợ thay cho bà D là vì tình nghĩa vợ chồng, còn gắn kết tình cảm với con cái, do đó, không có cơ sở buộc ông T cùng bà D có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn, mà xác định đây là nợ riêng của bà D nên bà D có nghĩa vụ trả. Do đó, kháng cáo của nguyên đơn không có cơ sở chấp nhận.

[3] Từ những nhận định trên nên ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm là phù hợp quy định pháp luật. Cấp sơ thẩm đánh giá chứng cứ và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chỉ bà D trả nợ cho nguyên đơn là đúng nên giữ nguyên.

[4] Về án phí:

[4.1] Dân sự sơ thẩm: buộc bị đơn bà D phải chịu như án sơ thẩm.

[4.2] Dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

***Căn cứ:** - Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 357, 463, 466, 468 và Điều 471 Bộ luật dân sự;

- Điều 45 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

***Tuyên xử:**

- Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L.

- Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 57/2023/DS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt.

- Về án phí phúc thẩm: nguyên đơn bà L phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004058 ngày 10/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, 7b và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát cùng cấp;
- TAND Q.Thốt Nốt;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS Q.Thốt Nốt;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hà Thị Phương Thanh